TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-PT
Ngày: 23/4/2019
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phám – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các thẩm phán: Ông Đinh Huy Lưỡng

Ông Nguyễn Tử Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLPT-DS ngày 08/01/2019 về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2019/QĐPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà xxx, tổ xx, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Ch, sinh năm 1944

Địa chỉ: Xóm GĐ, xã YH, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn D, sinh năm 1955

Địa chỉ: Xóm GĐ, xã YH, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của ông D: Bà Bùi Thị S, sinh năm 1960

Địa chỉ: Xóm GĐ, xã YH, huyện YM, tỉnh Ninh Bình (bà Sáp là vợ của ông D).

- Ông Lê Văn B, sinh năm 1959

Địa chỉ: Xóm HL, xã YH, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Lê Thị S, sinh năm 1966

Địa chỉ: Xóm HL, xã YH, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Lê Thị G, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số nhà xx, đường QT, thị trấn IK, huyện IR, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G: Ông Lê Văn C, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số nhà 196, tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2018).

- Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1948 (vợ ông Lê Văn Ch)

Địa chỉ: Xóm GĐ, xã YH, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thoáng: Ông Lê Văn Ch, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Xóm GĐ, xã YH, huyện YM, tỉnh Ninh Bình (theo văn bản ủy quyền ngày 09/07/2018).

- Anh Lê Văn S, sinh năm 1985 và chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1990

Đều trú tại: Xóm GĐ, xã YH, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ng: Anh Lê Văn S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm GĐ, xã YH, huyện YM, tỉnh Ninh Bình (theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2018).

Do có kháng cáo của Ông Lê Văn C là nguyên đơn.

Tại phiên tòa có mặt: Ông Ch, ông Ch, bà Sáp, ông B, bà S, anh S, chị Ng. Bà G có đơn xin xử vắng mặt và đã ủy quyền cho ông Ch từ cấp sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2018, bản tự khai ngày 26 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Bố mẹ ông là ông Lê Văn Kvà bà Lê Thị G1có sinh được 06 người con gồm: ông Lê Văn Ch, ông Lê Văn C, ông Lê Văn D, ông Lê Văn B, bà Lê Thị G và bà Lê Thị S. Năm 1986 ông Kiêm chết, năm 1995 bà G chết đều không để lại di chúc. Khi còn sống cụ K và cụ G có tạo lập được một số tài sản, gồm 3 thửa đất: Thửa số 161 tờ bản đồ số 2a xã YH có diện tích 280m^2 đang do ông Ch quản lý; thửa số 163 tờ bản đồ số 2a xã YH có diện tích 140m^2 đang để không và không có ai quản lý; thửa số 811 tờ bản đồ số 2a xã YH có diện tích 288m^2 đang do ông Lê Văn B, bà Lê Thị S quản lý. Khi còn sống bố mẹ ông đã chia đất cho các con nhưng đều nói bằng miệng, cụ thể bố mẹ đã chia đất cho các con như sau: Thửa số 161 có diện tích 280m2 chia cho ông Ch và ông Ch; thửa số 163 có diện tích 140m^2 chia cho ông Lê Văn D; thửa 811 có diện tích 280m^2 chia cho ông Lê Văn B và bà Lê Thị S. Ông D, ông B, bà S đã làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng thửa đất số 161 tờ bản đồ số 2a xã YH có diện tích 280m^2 hiện ông Lê Văn Ch đang quản lý khi còn sống bố ông đã chia cho ông Ch và ông Ch.

Năm 1997 ông Lê Văn Ch đã tự ý đi kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Năm 2015 ông Ch đã có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân huyện Yên Mô về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ch. Ngày 31/12/2016 Ủy ban nhân dân huyện Yên Mô đã ra Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn Ch. Đến nay ông Lê Văn C xác định di sản thừa kế của bố mẹ để lại là 280m^2 hiện nay ông Lê Văn Ch đang quản lý và đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố mẹ ông theo quy định của pháp luật. Ông Ch đề nghị được kỷ phần thừa kế của bố mẹ bằng hiện vật để ông xây dựng nhà ở.

Sau khi ông Ch rút đơn yêu cầu phản tố đề nghị chia thừa kế hai thửa đất số 163 và thửa đất số 811 vì đã chia cho các em mà chỉ đề nghị Tòa án chia thừa kế của bố mẹ để lại thửa đất 161 có diện tích 280m^2 chia cho ông Ch và ông Ch. Các ông Lê Văn B, bà Lê Thị S, bà Lê Thị G và đại diện hợp pháp của ông Lê Văn D có đơn từ chối nhận di sản của bố mẹ vì đã được bố mẹ chia và nhường kỷ phần thừa kế của mình cho hai anh là ông Lê Văn C và ông Lê Văn Ch. Ông Lê Văn C đã thay đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án chia di sản của bố mẹ là thửa đất 161 cho hai ông Lê Văn Ch, Lê Văn C.

Để giữ tình cảm anh em và cũng đảm bảo giá trị tài sản của ông Ch và ông Ch đề nghị Tòa án chia cho ông diện tích đất khoảng 56m^2 có chiều dài 7m, chiều rộng là 8m. Trên đất có một nhà cấp 4 hiện nay gia đình ông Ch không ở mà anh S đang sử dụng làm kho.

Tại đơn đề nghị phản tố, các bản khai và biên bản hòa giải ông Lê Văn Ch trình bày: Về quan hệ huyết thống và thời gian bố mẹ ông mất như ông Ch thống nhất với lời khai của ông Ch. Khi bố mẹ ông còn sống có tạo lập được 03 thửa đất. Thửa số 161 tờ bản đồ số 2a xã YH có diện tích 280m^2 đang do ông Ch quản lý; thửa số 163 tờ bản đồ số 2a xã YH có diện tích 140m^2 không ai quản lý; thửa số 811 tờ bản đồ 2a xã YH có diện tích 288m^2 đang do ông Lê Văn B và bà Lê Thị S quản lý. Đối với hai thửa đất 163 và 811 hiện nay ông D, ông B, bà S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng khi cấp GCNQSD đất cho ông D, ông B, bà S thì cụ K đã mất và chưa có sự đồng ý của tất cả các đồng thừa kế nên ông Ch đề nghị Tòa án xem xét trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông D, ông B, bà S. Ông Ch xác định di sản chia thừa kế của bố mẹ ông để lại gồm 03 thửa đất trên chứ không phải 01 thửa như ông Ch trình bày. Ông Ch đề nghị Tòa án chia thừa kế 03 thửa đất Thửa số 161 tờ bản đồ số 2a xã YH có diện tích 280m^2; thửa số 163 tờ bản đồ số 2a xã YH có diện tích 140m^2; thửa số 811 tờ bản đồ 2a xã YH có diện tích 288m^2.

Ngày 13/11/2018 ông Lê Văn Ch có đơn xin rút toàn bộ đơn yêu cầu phản tố đề nghị xác định di sản thừa kế của cụ K, cụ G gồm 3 thửa đất. Ông Ch đề nghị

Tòa án xác định di sản thừa kế của bố mẹ để lại gồm có 01 thửa đất số 161 có diện tích 280m^2 hiện ông Ch đang quản lý. Do các ông D, ông B, bà S đã được bố mẹ chia đất và đã có đơn từ chối nhận di sản thừa kế, đại diện theo ủy quyền của bà G cũng có đơn từ chối nhận di sản thừa kế của bố mẹ nên ông Ch đề nghị Tòa án xem xét chia di sản thừa kế của bố mẹ là 280m^2 theo pháp luật cho ông Ch và ông Ch. Tòa án chia ông được hưởng phần bao nhiêu diện tích ông cũng chấp nhận, ông không hòa giải với ông Ch. Tòa án chia cho ông Ch diện tích đất mà hiện nay ông đã xây nhà thì ông Ch phải thanh toán giá trị lại các công trình trên đất cho ông theo quy định.

Công tôn tạo thửa đất, trong quá trình sử dụng ông Ch có đổ đất để tôn tạo thửa đất nhưng không đáng kể nên ông không đề nghị tính công tôn tạo cho ông.

Về công duy trì và bảo quản di sản ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông Lê Văn B, bà Lê Thị S đều nhất trí với quan hệ huyết thống và thời gian cụ K, cụ G mất không để lại di chúc. Khi còn sống bố mẹ đều chia đất cho các con bằng lời nói. Cụ thể chia cho ông Ch, ông Ch Thửa số 161 tờ bản đồ số 2a xã YH có diện tích 280m^2; thửa số 163 tờ bản đồ số 2a xã YH có diện tích 140m^2; thửa số 811 tờ bản đồ 2a xã YH có diện tích 288m^2. Sau khi bố mẹ chia bằng lời nói thì ông B, bà S đã được UBND huyện Yên Mô cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy nên ông Ch không đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Yên Mô đã cấp cho ông B, bà S mà chỉ đề nghị chia thừa kế diện tích 280m^2 đất đang do ông Ch quản lý. Ngày 13/11/2018 ông B, bà S có đơn xin từ chối nhận thừa kế di sản của bố mẹ, nhường quyền thừa kế cho hai ông Lê Văn Ch, Lê Văn C.

Người đại diện theo pháp luật của ông Lê Văn D, bà Lê Thị Sáp trình bày: Về quan hệ huyết thống và thời gian bố mẹ chồng bà mất đúng như các ông Lê Văn C, Lê Văn Ch trình bày. Ông D đã được bố mẹ cho đất và hiện nay đã được UBND huyện Yên Mô cấp Giấy chứng nhận quyề sử dụng đất. Ngày 13/11/2018 bà Sáp có đơn xin từ chối nhận thừa kế di sản của bố mẹ, nhường quyền thừa kế cho hai ông là ông Lê Văn C, Lê Văn Ch.

Bà Lê Thị G có đơn trình bày thống nhất với lời khai của ông Ch. Ngày 13/11/2018 ông Ch người đại diện theo ủy quyền của bà G có đơn từ chối nhận di sản thừa kế của bố mẹ, nhường lại kỷ phần thừa kế của bà G cho ông Ch, ông Ch.

Anh Lê Văn S trình bày: Ông Lê Văn Ch đã cho vợ chồng anh đất, năm 2015 vợ chồng anh S đã xây dựng nhà mái bằng kiên cố trên diện tích 130m^2 nay ông Lê Văn C đề nghị chia thừa kế đất của ông bà là cụ K và cụ G anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ tài sản cho vợ chồng anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Ch đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ K, cụ G cho hai ông Ch, Ch theo quy định của pháp luật. Ông Ch xin nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng hiện vật là đất, nếu phần đất chia cho ông sử dụng trên đất có tài sản của ông Ch ông nhất trí thanh toán lại giá trị cho ông Ch theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án sơ thẩm giải quyết ông Ch có đề nghị Tòa án chia cho ông diện tích đất khoảng 56m^2 có chiều dài 7m, chiều rộng 8m; trên đất có một nhà cấp 4 hiện nay gia đình ông Ch không ở mà anh S đang sử dụng làm kho nhưng ông Ch không nhất trí nên nay ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ông Ch đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông sử dụng đất của bố mẹ đến nay trên 30 năm nên đề nghị Tòa án xem xét đến quá trình quản lý và sủ dụng đất của ông. Tòa án chia đất cho ông Ch sử dụng thì ông Ch phải thanh toán giá trị tài sản cho ông theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 02/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô quyết định:

Căn cứ vào điều 609, điều 611, điều 618, điều 620, điều 623, điều 649, điều 651, điều 658, điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 26, điều 35, điều 147, điều 156, điều 157, điều 164, diều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Kiêm, cụ Lê Thị G1là 280m2 đất tại Xóm GĐ, xã YH, huyện YM, tỉnh Ninh Bình theo pháp luật.

- Chấp nhận việc từ chối di sản thừa kế của ông Lê Văn B, bà Lê Thị S, bà Lê Thị G và đại diện hợp pháp của ông Lê Văn D.

- Thanh toán công trông coi, bảo quản di sản cho ông Lê Văn Ch là 30m^2 đất.

Di sản thừa kế của cụ Lê Văn Kiêm, cụ Lê Thị G1đưa ra chia thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng 250m2 đất.

- Chia cho ông Lê Văn C được quyền sử dụng diện tích 56m^2 đất tại thửa số 161 tờ bản đồ số 2a xã YH, huyện Yên Mô có kích thước các chiều như sau: Phía Bắc giáp đường xóm KT 8m; phía Nam giáp đất chia cho ông Ch KT: 7m; Phía Đông giáp đất chia cho ông Ch KT 7m; Phía Tây giáp đường KT: 7m. Có trị giá 11.200.000 đồng (mười một triệu hai trăm ngàn đồng).

Ông Lê Văn C được sở hữu một ngôi nhà cấp 4, diện tích 23,59m^2 sân bê tông, 01 cây nhãn nằm trên diện tích 56m^2 đất được giao có tổng giá trị là 22.531.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng). Ông Lê Văn C có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho ông Lê Văn Ch, bà Bùi Thị Th

có tổng giá trị là 22.531.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn đồng).

- Chia cho ông Lê Văn Ch được quyền sử dụng diện tích 194m^2 và diện tích 30m^2 đất là công duy trì bảo quản di sản. Tổng diện tích đất ông Ch được quyền sử dụng là 224m^2 tại thửa 161 tờ bản đồ 2a xã YH, huyện Yên Mô có kích thước các chiều như sau: Phía Bắc giáp đường KT 9,5m và giáp đất chia cho ông Ch có KT 8m; phía Đông giáp đất ông Ngữ KT 17m; phía Tây giáp đất chia cho ông Ch KT 7m và giáp đường KT 9,5m; phía Nam giáp đất ông Giáp, đất ông Thu KT 7,4m và giáp đất ông Ch lấn chiếm KT 8,4m.

Ông Lê Văn Ch, bà Lê Thị Th được quyền nhận số tiền là 22.531.000 đồng do ông Lê Văn C thanh toán giá trị ngôi nhà cấp 4, diện tích 23,59m^2 sân bê tông, 01 cây nhãn.

Ông Lê Văn Ch phải thanh toán chênh lệch tài sản do nhận kỷ phần nhiều hơn ông Lê Văn C là 13.800.000 đ

2. Đối trừ số tiền ông Lê Văn Ch phải thanh toán chênh lệch tài sản do nhận kỷ phần nhiều hơn cho ông Lê Văn C là 13.800.000 đồng và số tiền ông Ch phải thanh toán giá trị tài sản ngôi nhà cấp 4, diện tích 23,59m2 sân bê tông, 01 cây nhãn có tổng giá trị là 22.531.000 đồng cho ông Ch, bà Thoáng. Ông Lê Văn C còn phải thanh toán giá trị tài sản cho ông Lê Văn Ch, bà Bùi Thị Th số tiền là 8.731.000đ

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực, ông Lê Văn Ch có đơn yêu cầu thi hành án nêu ông Lê Văn C không thi hành án thì hàng tháng còn phải trả lãi số tiền chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Ch đề nghị xác định di sản thừa kế của bố mẹ thêm hai thửa đất thửa 163 tờ bản đồ số 2a xã YH có diện tích 140m2; thửa 811 tờ bản đồ 2a xã YH có diện tích 288m2.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí thẩm định và định giá, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018 ông Lê Văn C là nguyên đơn có đơn kháng cáo một phần Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, với nội dung: Thừa kế của bố mẹ ông để lại là thửa đất 161 tờ bản đồ 2a có diện tích 280m^2, sau khi đối trừ công trông coi bảo quản di sản cho ông Lê Văn Ch 30m^2 còn lại diện tích đất là 250m^2, ông Ch đề nghị Tòa án xem xét cho ông được hưởng kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là 125m^2 đất và ông có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lê Văn Ch.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn C vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu kháng cáo và trình bày: Thửa đất 161 tờ bản đồ 2a có diện tích 280m^2 là di sản do bố mẹ ông để lại, ông đề nghị Tòa án chia cho ông và ông Ch. Cấp sơ thẩm chia cho ông được sử dụng 56m^2 đất ông không nhất trí. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia đôi diện tích 250m^2 cho ông và ông Ch, mỗi người được sử dụng 125m^2, ông có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị tài sản trên đất cho ông Ch.

Ông Lê Văn Ch trình bày: Thửa đất 161 ông đã cho con ông một phần, con trai ông là vợ chồng S, N đã xây nhà kiên cố, hiện tại ông đang ở gian nhà cấp 4 giáp với đất cấp sơ thẩm chia cho ông Ch. Ông Ch đề nghị chia di sản của bố mẹ để lại ông không có ý kiến gì, nhưng ông Ch đòi chia 125m^2 đất ông không nhất trí vì ông Ch không có nhu cầu sử dụng, nếu chia như vậy thì thực tế ông không có chỗ ở, ảnh hưởng đến tài sản của ông. Ông đề nghị Tòa án xem xét thực tế, giải quyết theo pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho ông.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện việc kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đông xét xử: Áp dụng Khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô. Ông Ch không phải nộp án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Lê Văn C là nguyên đơn nên có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông Ch nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của ông Ch Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Ch, ông Ch xác định di sản của cụ K, cụ G để lại là 280m^2 đất tại thửa số 161 tờ bản đồ số 2a xã YH, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Sau khi chia cho ông Ch 30m^2 đất là công duy trì tôn tạo bảo quản di sản, diện tích còn lại 250m^2 đất, ông Ch đề nghị Tòa án chia

cho ông diện tích đất 56m^2, có chiều dài 7m, chiều rộng 8m. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4, hiện gia đình anh S con trai ông Ch đang sử dụng làm kho. Ông Ch đồng ý chia thừa kế cho ông Ch bằng hiện vật và yêu cầu ông Ch phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông. Tuy nhiên ông Ch không nhất trí hòa giải với ông Ch, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hiện trạng thực tế, để đảm bảo giá trị các công trình của ông Ch nên đã chia cho ông Ch được quyền sử dụng diện tích 56m^2 đất có trị giá 11.200.000 đồng (Mười một triệu hai trăm ngàn đồng). Ông Lê Văn C được sở hữu một ngôi nhà cấp 4, diện tích 23,59m^2 sân bê tông, 01 cây nhãn nằm trên diện tích 56m^2 đất được giao có tổng giá trị là 22.531.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng). Chia cho ông Lê Văn Ch được quyền sử dụng diện tích 194m^2 và diện tích 30m^2 đất là công duy trì bảo quản di sản. Tổng diện tích đất ông Ch được quyền sử dụng là 224m^2. Ông Ch và ông Ch phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia di sản thừa kế của cụ K, cụ G cho ông Ch, ông Ch là thấu tình, đạt lý, phù hợp với nhu cầu thực tế sử dụng của mỗi bên, đảm bảo được giá trị các công trình của ông Ch, và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn C không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn C không được chấp nhận nên ông Ch phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Ch thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 613, Điều 618, Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 658, Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho ông Lê Văn C.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 23 tháng 4 năm 2019.

Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án cấp cao tại Hà nội;
- Tòa án nhân dân huyện Yên Mô;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- Phòng KTNVTHA
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Tuyết